TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **351**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 3 – 2026
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Liên Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồi.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1534/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2026/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Kiều D – sinh ngày 06 tháng 02 năm 1991; Căn cước công dân số: 096191014314; Thường trú: xã T, huyện Đ (nay là xã T), tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: A Tổ C, ấp T, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Tuấn V – sinh ngày 02 tháng 8 năm 1991; Căn cước công dân số: 079091032992; Địa chỉ: B, ấp T, xã T, huyện H (nay là Ấp G, xã X), Thành phố Hồ Chí Minh. (mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2025 và bản tự khai, nguyên đơn bà Phan Thị Kiều D trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V đã tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2011, quyển số: 01/2011, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là xã X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/8/2011.

Chúng tôi có một thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần khuyên nhủ, hàn gắn nhưng không thành, bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V đã ly thân từ năm 2022. Trong thời gian sống ly thân, mạnh ai nấy sống và không còn quan tâm đến nhau. Bà Phan Thị Kiều D nhận thấy tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn chung

sống với nhau được. Do đó, bà Phan Thị Kiều D yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tuấn V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V có 02 con chung tên Trần Nguyên K - sinh ngày 13/9/2017 và Trần Vũ K1 - sinh ngày 10/02/2010. Sau ly hôn, bà Phan Thị Kiều D yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Phan Thị Kiều D có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông Trần Tuấn V vắng mặt không lý do và bà Phan Thị Kiều D có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã X, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Tuấn V vắng mặt không lý do và bà Phan Thị Kiều D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V1 nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2011, quyển số: 01/2011, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là xã X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/8/2011, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện bà Phan Thị Kiều D xác định đời sống hôn nhân giữa bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V phát

sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

[6] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

[7] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V đã trải qua thời gian mâu thuẫn, không còn thương yêu, chăm sóc, mỗi người mạnh ai nấy sống và không quan tâm đến nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Kiều D là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V có 02 con chung tên Trần Nguyên K - sinh ngày 13/9/2017 và Trần Vũ K1 - sinh ngày 10/02/2010. Sau ly hôn, bà Phan Thị Kiều D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chưa đặt ra xem xét.

[9] Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

[10] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Kiều D, giao con chung tên Trần Nguyên K - sinh ngày 13/9/2017 và Trần Vũ K1 - sinh ngày 10/02/2010 cho bà Phan Thị Kiều D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung và quy định của pháp luật; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Tuấn V do bà Phan Thị Kiều D chưa có yêu cầu.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kiều D đối với ông Trần Tuấn V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kiều D được ly hôn với ông Trần Tuấn V.

3. Về con chung: Bà Phan Thị Kiều D và ông Trần Tuấn V có 01 con chung tên Trần Nguyên K - sinh ngày 13/9/2017 và Trần Vũ K1 - sinh ngày 10/02/2010. Sau ly hôn, giao bà Phan Thị Kiều D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Tuấn V cho đến khi bà Phan Thị Kiều D có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phan Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 25/11/2025, bà Phan Thị Kiều D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0041678 của Thi hành án dân sự Thành phố H được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV8 TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV8 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn (nay là xã Xuân Thới Sơn), TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 8
MQ4190326.TL.QDBA
3034

Nguyễn Liên Quân